TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÔNG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25/9/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thược.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Phong.

2. Bà Trần Thị Mỹ Huệ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Thanh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Quang Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/8/2020 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/9/2020, Quyết định hoãn phiên toà số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Mỹ D, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn KT, xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Quốc D, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà A đường XV, ấp ĐB, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số A đường NNPC, phường B, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con giữa anh Trần Quốc D và chị Hồ Thị Mỹ D ngày 04/8/2020 thì anh Trần Quốc D đề nghị Toà án công nhận những vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc D và chị Hồ Thị Mỹ D sau thời gian tìm hiểu, quen biết nhau được sự đồng ý của hai gia đình đã tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục địa phương, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Hương Phú, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và sinh được 01 người con chung tên Trần Ngọc Thảo U, sinh ngày 26/7/2015. Sau đó do cuộc sống vợ chồng không hợp với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh Trần Quốc D và chị Hồ Thị Mỹ D có 01 người con chung tên Trần Ngọc Thảo U, sinh ngày 26/7/2015. Sau khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận giao con cho chị Hồ Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Trần Quốc D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng số tiền 500.000 đồng kể từ ngày quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Anh Trần Quốc D và chị Hồ Thị Mỹ D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ về tài sản chung: Anh Trần Quốc D và chị Hồ Thị Mỹ D không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn yêu cầu giải quyết về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con giữa anh Trần Quốc D và chị Hồ Thị Mỹ D ngày 04/8/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Mỹ D và anh Trần Quốc D sau thời gian tìm hiểu, quen biết nhau khoảng 03 tháng thì được sự đồng ý của hai gia đình đã tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục địa phương, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Hương Phú, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại nhà cha mẹ chị D tại Thôn KT, xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời gian đầu khi chuẩn bị tổ chức lễ cưới đã xảy ra mâu thuẫn với lý do anh Trần Quốc D đưa chị Hồ Thị Mỹ D vào Thành phố Hồ Chí Minh chỉ để ra mắt cha mẹ, bà con anh D, sau đó ăn uống rồi ra về không tổ chức lễ cưới theo đúng nghĩa, trước ngày cưới thì anh Trần Quốc D bỏ đi đánh bài không quan tâm gì đến chị Hồ Thị Mỹ D, khi chị D nói đến thì anh D đòi tự tử. Sau đó chị D ra nhà cha mẹ để sinh sống, sinh con cho đến nay, còn anh D vào làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian chị D sinh con khoảng 01 tháng thì xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là anh D ham chơi, ngoại tình bên ngoài, không lo cho kinh tế gia đình, có lần chị D gọi điện thoại nói gửi ra 500.000 đồng mua sữa cho con nhưng anh D nói không có tiền, từ khi con sinh ra cho đến khi con được 8 tháng tuổi thì anh D ra thăm con 2 lần khi con ốm đau, còn toàn bộ giao lại cho chị và cha mẹ chị D nuôi con, sau đó thì anh D không ra thăm con và cũng không gửi tiền ra nuôi con nữa cho đến ngày hôm nay.

Thực tế vợ chồng sống ly thân 4 năm, không còn liên lạc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến thời điểm hiện nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể hàn gắn được nữa nên vợ chồng tôi thống nhất thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, sau đó

anh D cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ việc nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Ngọc Thảo U, sinh ngày 26/7/2015. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Không yêu cầu anh Trần Quốc D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cháu Uyên đang sống với chị Hồ Thị Mỹ D.

Về tài sản chung: Chị Hồ Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ về tài sản chung: Anh Trần Quốc D và chị Hồ Thị Mỹ D không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và chị Hồ Thị Mỹ D tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với anh Trần Quốc D vắng mặt trong tất cả các phiên họp công khái chứng cứ và phiên hòa giải là vi phạm Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 39; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 14 Điều 3; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết theo hướng:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trần Quốc D.

Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Thảo U, sinh ngày 26/7/2015 cho chị Hồ Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Trần Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con giữa anh Trần Quốc D và chị Hồ Thị Mỹ D ngày 04/8/2020 thì Tòa án đã thụ lý việc dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu Tòa án nhiều lần triệu tập anh Trần Quốc D và chị Hồ Thị Mỹ D đến Tòa án giải quyết việc dân sự, nhưng chỉ có chị Hồ Thị Mỹ D có mặt, còn anh Trần Quốc D cố tình vắng mặt nên Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đối với yêu cầu của anh Trần Quốc D và chuyển việc dân sự thành vụ án dân sự theo

quy định tại điểm c Điều 366 và khoản 5 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định tư cách tham gia tố tụng của chị Hồ Thị Mỹ D là nguyên đơn và anh Trần Quốc D là bị đơn.

- Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất anh Trần Quốc D tiếp tục vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa lần thứ hai anh Trần Quốc D tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Quốc D là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Mỹ D và anh Trần Quốc D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Hương Phú, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 01 người con chung.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Mỹ D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước đây anh D, chị D đều thống nhất thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, nhưng sau đó anh D không có mặt để tiến hành hòa giải được. Qua lời khai của đương sự cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thì thấy rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hòa hợp, không tin tưởng với nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và sống ly thân đã 4 năm, không ai còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị Hồ Thị Mỹ D không muốn đoàn tụ gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trần Quốc D theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

Về con chung: Anh Trần Quốc D và chị Hồ Thị Mỹ D có 01 người con chung tên Trần Ngọc Thảo U, sinh ngày 26/7/2015. Từ khi cháu Uyên sinh ra và lớn lên đều do chị Hồ Thị Mỹ D chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Uyên cho chị Hồ Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị D không yêu cầu anh Trần Quốc D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Anh Trần Quốc D và chị Hồ Thị Mỹ D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Sung nộp ngân sách Nhà nước số tiền 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự mà anh Trần Quốc D đã nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trần Quốc D.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Thảo U, sinh ngày 26/7/2015 cho chị Hồ Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Trần Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cháu Trần Ngọc Thảo U đang sống với chị Hồ Thị Mỹ D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Hồ Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí 2 lần 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Hồ Thị Mỹ D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008267 ngày 04/8/2020 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008271 ngày 28/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Hồ Thị Mỹ D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Sung quỹ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự mà anh Trần Quốc D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008267 ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hồ Thị Mỹ D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Trần Quốc D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã Hương Phú, huyện Nam Đông;
(Đăng ký kết hôn ngày 27/12/2014)
- Đương sự:
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Minh Thược